

Số: 58 /QĐ-QTV

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế vay vốn từ Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô
phát triển kinh tế gia đình

GIÁM ĐỐC QUỸ TRỢ VỐN CNVCLĐ NGHÈO THỦ ĐÔ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH

Căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước: số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023; số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023; số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024;

Căn cứ Văn bản số 1064/UBND-KTTH ngày 11/4/2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn thành phố Hà Nội của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 939/CNĐK-TCVM ngày 27/8/2018 của Ngân hàng Nhà nước- chi nhánh thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình”;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ.HAN-TTGS3 ngày 22/5/2024 của Ngân hàng Nhà nước- chi nhánh thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn công nhân viên chức lao động nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình”;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 1302/CNĐK-TCVM ngày 22/5/2024 của Ngân hàng Nhà nước- chi nhánh thành phố Hà Nội về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô “Vay cải thiện điều kiện sinh hoạt”;

Căn cứ các Quyết định của Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố Hà Nội: số 449/QĐ-LĐLĐ ngày 24/6/2008 về việc thành lập Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình; số 599/QĐ-LĐLĐ ngày 20/6/2024 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ trợ vốn; số 600/QĐ-LĐLĐ ngày 20/6/2024 ban hành Quy chế quản lý nguồn vốn của Quỹ trợ vốn; công văn số 891/LĐLĐ ngày 20/02/2023 về việc đồng ý điều chỉnh lãi suất cho vay Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình;

Căn cứ các Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trợ vốn: số 78/QĐ-HĐQL ngày 09/8/2021 ban hành Quy chế quản lý rủi ro tín dụng và xử lý nợ bị rủi ro tại Quỹ trợ vốn; số 79/QĐ-HĐQL ngày 09/8/2021 ban hành Quy chế trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng Quỹ trợ vốn;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trợ vốn: số 40/QĐ-QTV ngày 29/02/2024 về việc ban hành Quy chế làm việc; số 50/QĐ-QTV ngày 26/2/2025 về việc ban hành Quy chế phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng;

Căn cứ Nghị quyết hội nghị CBVC năm 2025, Biên bản họp Cơ quan ngày 26/02/2025 và xét đề nghị của bộ phận Tín dụng Quỹ trợ vốn,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế cho vay từ Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 153/QĐ-QTV ngày 25/6/2024 của Giám đốc Quỹ trợ vốn ban hành Quy chế cho vay từ Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình.
- Điều 3.** Bộ phận Tín dụng, Kế toán, Tổ chức hành chính và cán bộ, viên chức Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện. *SL*

Nơi nhận: *SL*

- Thường trực LĐLĐ TPHN; (báo cáo)
- Các Ban: Tổ chức, CSPL và QHLD, UBKT, Tài chính LĐLĐ TPHN; (p/h)
- GD QTV;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Lưu TCHC QTV.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUY CHẾ

Quy chế cho vay từ Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô
phát triển kinh tế gia đình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /QĐ-QTV ngày 03 tháng 3 năm 2025
của Giám đốc Quỹ trợ vốn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động cho vay vốn từ 02 chương trình, dự án tài chính vi mô (*Chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình” và Chương trình, dự án tài chính vi mô “Vay cải thiện điều kiện sinh hoạt”*) thuộc Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình (gọi tắt là Quỹ trợ vốn) đối với các cá nhân là đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động (CNVCLĐ) theo Điều 3 Quy chế này thuộc các Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ quận, huyện, thị xã, công đoàn ngành, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (gọi chung là công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở - CĐCTTTCS) trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động được quy định tại Điều 3 Quy chế này có quan hệ vay vốn với Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình.

2. Công đoàn cơ sở (CĐCS), CĐCTTTCS thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội có thực hiện bảo lãnh bằng tín chấp cho đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

3. Cán bộ, viên chức, người lao động thuộc các Bộ phận Tín dụng, Tổ chức hành chính và Kế toán Quỹ trợ vốn.

Điều 3. Đối tượng cho vay

1. Đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động nghèo, thu nhập thấp (mức thu nhập bình quân 6 tháng gần nhất thấp hơn 7,5 triệu đồng/tháng), đang sinh hoạt, công tác, lao động tại các CĐCS, cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thành

phố Hà Nội trực thuộc LĐLD Thành phố quản lý, đang hưởng lương và có mức thu nhập ổn định hàng tháng (khách hàng tài chính vi mô hoặc người vay vốn).

2. Trường hợp mức thu nhập thấp được quy định tại khoản 1 điều này có sự thay đổi, Quỹ trợ vốn nghiên cứu, đề xuất, xây dựng mức cụ thể báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất, phê duyệt.

Chương 2

NỘI DUNG QUY CHẾ CHO VAY VỐN TỪ QUỸ TRỢ VỐN

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Người vay không phải thế chấp, cầm cố tài sản nhưng phải cam kết hoàn trả gốc vay, lãi vay, nộp tiền TKBB, được CDCTTTCS và CDCS rà soát, lựa chọn và chịu trách nhiệm trước LĐLD thành phố Hà Nội theo thẩm quyền, phân cấp quản lý; đơn vay vốn có xác nhận của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp; hồ sơ vay vốn phải được kiểm tra, thẩm định trước vay có xác nhận của đại diện CDCTTTCS, Ban Chấp hành CDCS.

2. Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Việc cho vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô, thông qua hợp đồng vay vốn, hợp đồng trách nhiệm bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

3. Vốn vay phải được sử dụng với mục đích hợp pháp, đúng mục đích trong đơn đề nghị vay vốn và được hoàn trả (gốc vay, lãi vay) và nộp tiền tiết kiệm bắt buộc (TKBB) đầy đủ, đúng thời hạn.

4. Quỹ trợ vốn thực hiện thu hồi vốn cho vay trước thời hạn ngay khi phát hiện người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích, không đúng đối tượng.

5. Người vay vốn sẽ chịu sự giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn vay của Quỹ trợ vốn.

Điều 5. Sản phẩm hoạt động của Quỹ trợ vốn

1. Quỹ trợ vốn quản lý, triển khai, tổ chức thực hiện 02 chương trình, dự án tài chính vi mô được UBND và LĐLD thành phố Hà Nội chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận, gồm:

(i) Chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình”

(ii) Chương trình, dự án tài chính vi mô “Vay cải thiện điều kiện sinh hoạt”

2. Các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn hoạt động theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ- TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính

phù về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hà Nội cấp, các Quyết định của Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố Hà Nội quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nguồn vốn của Quỹ trợ vốn.

Sản phẩm hoạt động của Quỹ trợ vốn gồm:

2.1. Sản phẩm cho vay

a. Chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình”

Sản phẩm cho vay bao gồm:

(i) Vay sản xuất, kinh doanh cải thiện thu nhập

(ii) Vay hỗ trợ học nghề

(iii) Vay hỗ trợ con đoàn viên đi học

b. Chương trình, dự án tài chính vi mô “Vay cải thiện điều kiện sinh hoạt” Sản phẩm cho vay bao gồm:

(i) Vay cải thiện phương tiện sinh hoạt

(ii) Vay cải thiện nhà ở

(iii) Vay hỗ trợ chữa bệnh

2.2. Sản phẩm tiết kiệm bắt buộc

(i) Tất cả mọi đối tượng tham gia vay vốn đều phải thực hiện tiết kiệm bắt buộc với mức không quá 1%/ tháng trên tổng số vốn vay trong suốt chu kỳ vay, nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm cho bản thân. Số tiền tiết kiệm này sẽ được hoàn trả cho người vay khi họ đã hoàn tất việc trả vốn và lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký.

(ii) Quỹ trợ vốn không thực hiện chi trả tiền lãi từ tiền tiết kiệm bắt buộc cho người vay vốn.

(iii) Mức thu tiền TKBB đảm bảo phù hợp với khả năng của người vay vốn, đồng thời tuân thủ quy định tại quy chế này, nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện tốt hoạt động trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng của Quỹ trợ vốn.

2.3. Sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng

Quỹ trợ vốn triển khai, thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng (trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng), như:

a. Hỗ trợ cho người vay trong những trường hợp khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt (tai nạn, ốm đau, rui ro...);

b. Hỗ trợ học bổng, sản phẩm phục vụ học tập cho con người vay vốn, vượt khó học giỏi;

- c. Trao tặng sản phẩm thiết thực, phù hợp với sinh hoạt của người vay vốn;
 - d. Trao thẻ BHYT cho vợ (chồng), bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ (chồng), con của người vay vốn;
 - e. Trao tặng sản phẩm cho tập thể nơi có nhiều người vay, gặp khó khăn về phương tiện, thiết bị sinh hoạt, làm việc.
 - f. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- (Thực hiện theo Quy chế trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng của Quỹ trợ vốn).

Điều 6. Điều kiện cho vay

Người vay vốn phải có đủ các điều kiện sau đây

1. Là công dân Việt Nam;
2. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;
3. Có khả năng tài chính để trả nợ và được đảm bảo bằng tiền tiết kiệm bắt buộc, không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định Luật lao động (2019) tại thời điểm kết thúc khoản vay, trừ trường hợp đặc biệt hoặc đặc thù công việc và có sự bảo lãnh của thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị và Chủ tịch CĐCS (hoặc phó Chủ tịch, đại diện Ban chấp hành CĐCS) xác nhận, đảm bảo;
4. Có trên 2 năm công tác tại đơn vị đã thành lập CĐCS và đang tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;
5. Có đơn đề nghị vay vốn được lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp xác nhận;
6. Có mục đích sử dụng vốn vay rõ ràng, hợp pháp theo quy định của pháp luật và của Quỹ trợ vốn; sử dụng vốn vay khả thi, hiệu quả;
7. Có sự đảm bảo bằng văn bản của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp và đại diện Ban chấp hành CĐCS nơi làm việc thông qua hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn; bảo lãnh thực hiện hợp đồng (đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp).
8. Được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm bắt buộc; không phát sinh nợ xấu (trong vòng 3 năm), nợ cần chú ý (trong vòng 12 tháng) tính đến thời điểm kiểm tra CIC.

Điều 7. Mức vay và thời hạn cho vay

Mức vay, thời hạn vay của các sản phẩm vay thuộc Chương trình, dự án tài chính vi mô “Quỹ trợ vốn CNVCLD nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình” và Chương trình, dự án tài chính vi mô “Vay cải thiện điều kiện sinh hoạt”, như sau:

1. Đối với các sản phẩm vay: vay sản xuất kinh doanh cải thiện thu nhập; vay cải thiện phương tiện sinh hoạt; vay hỗ trợ chữa bệnh, cụ thể như sau:
 - a. Mức vay 40 triệu đồng, thời hạn vay 25 tháng

- b. Mức vay 30 triệu đồng, thời hạn vay 20 tháng
- c. Mức vay 20 triệu đồng, thời hạn vay 16 tháng
- 2. Đối với vay cải thiện nhà ở, cụ thể như sau:
 - a. Mức vay 50 triệu đồng, thời hạn vay 32 tháng
 - b. Mức vay 40 triệu đồng, thời hạn vay 25 tháng
 - c. Mức vay 30 triệu đồng, thời hạn vay 20 tháng
 - d. Mức vay 20 triệu đồng, thời hạn vay 16 tháng
- 3. Vay hỗ trợ học nghề; vay hỗ trợ con đoàn viên đi học: mức vay và thời hạn vay tùy thuộc vào nhu cầu và loại hình đào tạo, cụ thể như sau:
 - a. Mức vay 40 triệu, thời hạn vay 25 tháng, đối với loại hình đào tạo từ đại học trở lên
 - b. Mức vay 30 triệu, thời hạn vay 20 tháng, đối với loại hình đào tạo cao đẳng
 - c. Mức vay 20 triệu, thời hạn vay 16 tháng, đối với loại hình đào tạo trung cấp, chứng chỉ,...
- 4. Mức vay được căn cứ vào thu nhập của người vay, quy định như sau:
 - a. Đối với mức vay 20 triệu đồng, đảm bảo người vay có thu nhập từ 4 triệu đồng đến dưới 7,5 triệu đồng/tháng (mức thu nhập bình quân 06 tháng gần nhất).
 - b. Đối với mức vay từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng, đảm bảo người vay có thu nhập từ 5 triệu đồng đến dưới 7,5 triệu đồng/tháng (mức thu nhập bình quân 06 tháng gần nhất).
- 5. Người vay đảm bảo thực hiện đủ nửa thời hạn vay vốn liên tục (1/2 chu kỳ vay vốn) sau đó có thể tắt toàn hợp đồng vay vốn.

Điều 8. Lãi suất cho vay

- 1. Mức lãi suất cho vay được áp dụng cho từng thời kỳ, đối với từng sản phẩm cho vay và được tính theo dư nợ giảm dần. Có ưu đãi cho người vay có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thu nhập thấp và thấp hơn mức lãi suất cho vay của ngân hàng (Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng chính sách xã hội đối với cùng sản phẩm vay, thời hạn vay tương ứng và cùng hình thức cho vay tín chấp). Mức này do Quỹ trợ vốn đề xuất và trên cơ sở quy định của Chính phủ, đảm bảo nguyên tắc bù đắp đủ chi phí hoạt động, tăng trưởng, không vì mục tiêu lợi nhuận và được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất, phê duyệt.
- 2. Lãi suất cho vay thực hiện trên cơ sở thỏa thuận, đồng ý giữa Quỹ trợ vốn và người vay vốn (hợp đồng vay vốn). Quỹ trợ vốn áp dụng mức lãi suất đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô và các sản phẩm cho vay như sau:
 - a. Áp dụng lãi suất 0,65%/tháng (7,8%/năm) đối với các sản phẩm cho vay:

(i) Vay sản xuất, kinh doanh cải thiện thu nhập;

(ii) Vay cải thiện phương tiện sinh hoạt.

b. Áp dụng lãi suất 0,55%/tháng (6,6%/năm) đối với các sản phẩm cho vay:

(i) Vay cải thiện nhà ở;

(ii) Vay hỗ trợ học nghề;

(iii) Vay hỗ trợ con đoàn viên đi học;

(iv) Vay hỗ trợ chữa bệnh.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của các bên

1. Quyền của các bên

a. Quỹ trợ vốn

(i) Chấp thuận hoặc từ chối khoản vốn vay của người vay vốn khi đảm bảo hoặc không đáp ứng các điều kiện theo quy định của Quy chế này.

(ii) Thẩm định và ký Hợp đồng trách nhiệm trực tiếp với CDCS (trong trường hợp ĐCCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn đối với đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn thuộc phạm vi quản lý), thực hiện theo mục (i) điểm a khoản 2 Điều 13 Quyết định 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ: “Chương trình, dự án tài chính vì mô tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình”.

(iii) Đề xuất I.ĐLĐ thành phố Hà Nội điều chỉnh lãi suất cho vay được áp dụng cho từng thời kỳ (nếu có) theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

(iv) Thu hồi các khoản vốn vay đã cấp cho người vay vốn khi Quỹ trợ vốn phát hiện người vay vốn sử dụng vốn vay không đúng mục đích, không đúng đối tượng.

(v) Cung cấp các tài liệu liên quan cho cơ quan có thẩm quyền đối với những trường hợp người vay vốn nợ quá hạn, nợ khó đòi hoặc không chấp hành hợp đồng vay vốn đã ký.

(vi) Phạt tiền đối với người vay vốn chậm trả theo hợp đồng vay vốn đã ký, áp dụng mức phạt bằng 130% lãi suất cho vay trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

(vii) Sử dụng tiền TKBB của người vay để thu hồi nợ quá hạn trong trường hợp người vay đó không thực hiện hợp đồng vay vốn đã ký.

(viii) Khai thác và cung cấp các thông tin về các khoản tín dụng của người vay (bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do người vay cung cấp, các Hợp đồng, văn bản ký kết giữa Quỹ trợ vốn và người vay) cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) để phục vụ hoạt động thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

(i) CĐCTTTCS được hưởng 4% trên tổng lãi vay thu được hàng tháng khi CĐCTTTCS ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn và nộp đầy đủ các khoản tiền (gốc vay, lãi vay, TKBB) đúng hạn về Quỹ trợ vốn.

(ii) Được nhận sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy chế trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng của Quỹ trợ vốn.

(iii) Đề xuất nhu cầu vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ và chấp thuận danh sách vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn thuộc các CĐCS trực thuộc theo phân cấp quản lý đề nghị Quỹ trợ vốn xem xét, giải quyết.

(iv) Từ chối, không xác nhận bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên, CNVCLĐ thuộc các CĐCS trực thuộc đang vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có) mà không có khả năng hoàn trả hoặc chưa tất toán hợp đồng vay vốn trước của Quỹ trợ vốn.

(v) Được cung cấp thông tin liên quan về các sản phẩm hoạt động thuộc các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn theo Điều 5 Quy chế này để triển khai đến CĐCS, đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

(vi) Tham gia, chứng kiến và cùng với Quỹ trợ vốn giám sát trong các buổi thẩm định, kiểm tra vốn vay, ký kết Hợp đồng (Hợp đồng vay vốn và Hợp đồng trách nhiệm) hoặc khi thực hiện giải ngân theo phương thức tiền mặt tại cơ sở.

c. Công đoàn cơ sở

(i) Được hưởng 10% trên tổng số lãi vay thực thu được hàng tháng khi CĐCS nộp đầy đủ các khoản tiền (gốc vay, lãi vay, TKBB) đúng hạn về CĐCTTTCS hoặc Quỹ trợ vốn.

(ii) Được nhận sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy chế trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng của Quỹ trợ vốn.

(iii) Đề xuất nhu cầu vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ và chấp nhận danh sách vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn thuộc thẩm quyền, phân cấp quản lý đề nghị CĐCTTTCS và Quỹ trợ vốn xem xét, giải quyết.

(iv) Từ chối, không xác nhận bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên, CNVCLĐ thuộc đơn vị đang vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác (nếu có) mà không có khả năng hoàn trả hoặc chưa tất toán hợp đồng vay vốn trước của Quỹ trợ vốn.

(v) Triển khai vay vốn, ký hồ sơ vay vốn và Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn trong trường hợp CĐCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn đối với đoàn viên, CNVCLĐ thuộc phạm vi quản lý có nhu cầu vay vốn.

(vi) Được cung cấp thông tin liên quan về các sản phẩm hoạt động thuộc các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn theo Điều 5 Quy chế này để triển khai đến đoàn viên, CNVCLĐ thuộc đơn vị, theo phân cấp quản lý.

(vii) Cử đại diện Ban Chấp hành CDCS tham gia, chứng kiến và cùng với Quỹ trợ vốn giám sát trong các buổi thẩm định, kiểm tra vốn vay, ký kết Hợp đồng (Hợp đồng vay vốn và Hợp đồng trách nhiệm) hoặc khi thực hiện giải ngân theo phương thức tiền mặt tại cơ sở.

d. Thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp

(i) Xác nhận, phê duyệt danh sách người lao động vay vốn do công đoàn đơn vị lập, triển khai.

(ii) Đồng ý/Từ chối, không xác nhận bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên CNVCLĐ thông qua Hợp đồng trách nhiệm (đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp) hoặc bảo lãnh (thông qua Hợp đồng trách nhiệm và văn bản Bảo lãnh thực hiện hợp đồng) của lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp cho đoàn viên, CNLD thuộc khu vực ngoài nhà nước (đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp).

(iii) Đồng ý/ Không đồng ý ký Hợp đồng trách nhiệm trực tiếp với Quỹ trợ vốn trong trường hợp CDCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn đối với đoàn viên, CNVCLĐ thuộc phạm vi quản lý có nhu cầu vay vốn.

(iv) Có quyền trích tiền lương hàng tháng và các khoản tiền phúc lợi khác của người vay (theo quy định pháp luật hiện hành), để bù đắp khoản tiền vay còn thiếu trong trường hợp người vay không thực hiện đúng theo điều khoản hợp đồng vay vốn đã ký thuộc các trường hợp sau: không trả nợ đúng hạn, chuyển công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc,...

(v) Tham gia, cử đại diện lãnh đạo đơn vị chứng kiến và cùng với Quỹ trợ vốn giám sát trong các buổi ký kết Hợp đồng (Hợp đồng vay vốn và Hợp đồng trách nhiệm) hoặc khi thực hiện giải ngân theo phương thức tiền mặt tại cơ sở.

e. Người vay vốn

(i) Được tham gia vay vốn và lựa chọn sản phẩm vay vốn theo nhu cầu của bản thân.

(ii) Đồng ý/không đồng ý để Quỹ trợ vốn khai thác và cung cấp các thông tin về các khoản tín dụng của cá nhân (bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu liên quan,...) cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) để phục vụ hoạt động thông tin tín dụng theo quy định của pháp luật.

(iii) Được nhận sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng khi đáp ứng đủ điều kiện theo Quy chế trao sản phẩm hỗ trợ phát triển cộng đồng của Quỹ trợ vốn.

(iv) Đề nghị Ban Chấp hành CDCS nơi công tác quan tâm, tạo điều kiện trong việc vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

(v) Được cung cấp thông tin liên quan về các sản phẩm hoạt động thuộc các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn theo Điều 5 Quy chế này.

2. Trách nhiệm của các bên

a. Quỹ trợ vốn

(i) Thực hiện nghiêm các quy định về việc thực hiện chương trình dự án tài chính vi mô do ngân hàng nhà nước, Tổng I.ĐLĐ Việt Nam, I.ĐLĐ thành phố Hà Nội và pháp luật quy định.

(ii) Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về các sản phẩm hoạt động thuộc các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn đến đoàn viên, CNVCLĐ, CDCS và CĐCTTTC trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(iii) Phân công, cử cán bộ tin dụng triển khai, hướng dẫn hồ sơ cho vay, thẩm định hồ sơ vay vốn, kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay và trả nợ của người vay vốn.

(iv) Chịu trách nhiệm về khoản vay đã giải ngân cho người vay vốn (trên cơ sở tham mưu, đề xuất của cán bộ tín dụng Quỹ trợ vốn).

(v) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin cá nhân của người vay vốn theo quy định hiện hành.

(vi) Chịu trách nhiệm trước Thường trực, Ban Thường vụ I.ĐLĐ thành phố Hà Nội về kết quả hoạt động của đơn vị; chấp hành, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến công tác cho vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

(vii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm các cam kết trong hợp đồng vay vốn; nếu vi phạm do lỗi của Quỹ trợ vốn mà gây thiệt hại cho người vay vốn thì Quỹ trợ vốn bồi thường cho người vay vốn toàn bộ thiệt hại phát sinh, các thiệt hại này có thể bao gồm: chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án, v.v...

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

(i) Phối hợp cùng Quỹ trợ vốn tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ CDCS và đoàn viên, CNVCLĐ trong việc triển khai công tác vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

(ii) Lựa chọn và bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn tại các CDCS trực thuộc theo phân cấp quản lý, bảo đảm điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Đồng thời, cùng với Quỹ trợ vốn, CDCS thẩm định vay vốn đối với người vay vốn là đoàn viên, CNVCLĐ thuộc thẩm quyền, phân cấp quản lý.

(iii) Phân công lãnh đạo đơn vị, cán bộ theo dõi chuyên đề cùng với Quỹ trợ vốn để trực tiếp liên hệ với CDCS theo phân cấp quản lý rà soát, hướng dẫn người vay vốn hoàn thiện hồ sơ vay vốn; theo dõi, đôn đốc thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB hàng tháng nộp về Quỹ trợ vốn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký; phân công rõ người, rõ trách nhiệm trong công tác thu hồi vốn, đảm bảo an toàn nguồn vốn, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn; phối hợp Quỹ trợ vốn thông báo lịch ký kết hợp Hợp đồng (Hợp đồng vay vốn và Hợp đồng trách nhiệm) tới CDCS, người vay vốn và chuẩn bị các điều kiện khác để đảm bảo công tác ký kết Hợp đồng tại cơ sở

được thuận tiện, an toàn; phối hợp Quỹ trợ vốn thông báo lịch giải ngân tới CĐCS, người vay vốn và chuẩn bị các điều kiện khác để đảm bảo công tác giải ngân tại cơ sở được thuận tiện, an toàn (đối với trường hợp giải ngân bằng tiền mặt).

(iv) Cùng Quỹ trợ vốn ký kết hợp đồng trách nhiệm, gồm các nội dung: bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn tại các CĐCS trực thuộc theo phân cấp quản lý để vay vốn từ Quỹ trợ vốn; cam kết và có trách nhiệm đôn đốc người vay vốn theo phân cấp quản lý hoàn trả vốn vay (gốc, lãi, TKBB) đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký.

(v) Kịp thời thông báo với Quỹ trợ vốn những thông tin liên quan đến người vay vốn như: nợ quá hạn, chuyển công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và các trường hợp bỏ học, nghỉ học giữa chừng, bị buộc thôi học,... để làm các thủ tục tắt toán hợp đồng vay vốn, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ của người vay vốn, kể cả các khoản nợ chưa đến hạn.

(vi) Cử lãnh đạo đơn vị cùng với Quỹ trợ vốn, CĐCS làm việc với các cơ quan có thẩm quyền, gia đình người vay trong trường hợp người vay vốn bỏ trốn, chết, mất tích, nợ quá hạn, nợ khó đòi, không chấp hành theo hợp đồng vay vốn đã ký.

c. Công đoàn cơ sở

(i) Phối hợp cùng với Quỹ trợ vốn trong việc tuyên truyền, hỗ trợ đoàn viên, CNVCLĐ thuộc đơn vị vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

(ii) Lựa chọn và bảo đảm bằng tín chấp (thông qua Hợp đồng trách nhiệm) cho đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn thuộc đơn vị bảo đảm điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Cùng với Quỹ trợ vốn, CĐCTTCS thẩm định vay vốn, kiểm tra việc sử dụng vốn vay đối với người vay vốn là đoàn viên, CNVCLĐ thuộc thẩm quyền, phân cấp quản lý hoặc thực hiện tự kiểm tra vay vốn đối với đoàn viên theo mục 2.2 khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

(iii) Cùng với Quỹ trợ vốn ký kết hợp đồng trách nhiệm, gồm các nội dung: bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên, CNVCLĐ thuộc đơn vị có nhu cầu vay vốn để vay vốn từ Quỹ trợ vốn; cam kết và có trách nhiệm đôn đốc người vay vốn thuộc đơn vị hoàn trả vốn vay (gốc vay, lãi vay) và nộp tiền TKBB đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký.

(iv) Phân công đại diện Ban Chấp hành CĐCS chứng kiến quá trình ký kết Hợp đồng vay vốn tại cơ sở, đồng thời cùng với Quỹ trợ vốn rà soát hồ sơ, hướng dẫn người vay vốn ký hợp đồng vay vốn và phát tiền trực tiếp đến người vay vốn tại CĐCS trong trường hợp giải ngân bằng tiền mặt; theo dõi, đôn đốc thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB hàng tháng nộp về CĐCTTCS hoặc Quỹ trợ vốn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký; phân công rõ người, rõ trách nhiệm trong công tác thu hồi vốn, đảm bảo an toàn nguồn vốn, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn.

(v) Kịp thời thông báo với CĐCTTCS và Quỹ trợ vốn những thông tin liên quan đến người vay vốn như: nợ quá hạn, chuyển công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng

lao động, hợp đồng làm việc và các trường hợp bỏ học, nghỉ học giữa chừng, bị buộc thôi học,... để làm các thủ tục tắt toán hợp đồng vay vốn, đồng thời có trách nhiệm thu hồi, hoàn trả toàn bộ số tiền còn nợ (gốc vay, lãi vay) của người vay vốn thuộc đơn vị, kể cả các khoản nợ chưa đến hạn; chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền, trách nhiệm quy định tại quy chế này đối với trường hợp người vay vốn thuộc đơn vị không trả hết vốn vay đúng hạn (gốc vay, lãi vay) cho Quỹ trợ vốn.

(vi) Tạo điều kiện, bố trí địa điểm tại CĐCS để Quỹ trợ vốn phát vốn trực tiếp đến người vay vốn đảm bảo an toàn, thuận tiện (đối với trường hợp giải ngân bằng tiền mặt).

(vii) Cử đại diện lãnh đạo Ban Chấp hành CĐCS cùng với Quỹ trợ vốn, CDCTTCS làm việc với các cơ quan có thẩm quyền, gia đình người vay trong trường hợp người vay vốn bỏ trốn, chết, mất tích, nợ quá hạn, nợ khó đòi, không chấp hành theo hợp đồng vay vốn đã ký.

d. Thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp

(i) Bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên CNVCLĐ thông qua Hợp đồng trách nhiệm của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị (đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp) và bảo lãnh (thông qua Hợp đồng trách nhiệm và văn bản Bảo lãnh thực hiện hợp đồng) của lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp cho đoàn viên, CNLĐ ngoài khu vực nhà nước (đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp).

(ii) Cùng Quỹ trợ vốn ký kết Hợp đồng trách nhiệm và cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản trong Hợp đồng trách nhiệm đã ký.

(iii) Phối hợp tích cực, trách nhiệm với Quỹ trợ vốn, CDCTTCS, Ban chấp hành CĐCS để thu hồi khoản vay (gốc vay, lãi vay) và lãi phạt (nếu có) trong trường hợp người lao động (đoàn viên, CNVCLĐ) thuộc phạm vi quản lý không thực hiện hợp đồng vay vốn đã ký.

e. Người vay vốn

(i) Khai, cung cấp thông tin chính xác, trung thực theo nội dung được nêu trong đơn đề nghị vay vốn và nội dung quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

(ii) Cùng Quỹ trợ vốn ký kết, thực hiện tốt hợp đồng vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã ký.

(iii) Sử dụng vốn vay đúng mục đích và hàng tháng hoàn trả vốn vay (gốc vay, lãi vay) và nộp tiền TKBB đầy đủ, đúng hạn về CĐCS nơi đang công tác theo quy định tại hợp đồng vay vốn đã ký.

(iv) Hoàn trả vốn vay (gốc vay, lãi vay) còn lại hoặc tắt toán hợp đồng vay vốn đã ký trước khi chuyển công tác, thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc bỏ học, nghỉ học giữa chừng, thôi học,...

(v) Phối hợp tốt, hiệu quả trong công tác kiểm tra vốn vay khi có yêu cầu, đề nghị từ Quỹ trợ vốn.

(vi) Đối với người vay vốn quy định tại điểm (ii), điểm (iii), mục a, khoản 2 Điều 5, người vay, con người vay có trách nhiệm đảm bảo thực hiện việc học tập đầy đủ, hoàn thành khóa học đúng thời hạn theo Quy định của cơ sở đào tạo.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của cán bộ tín dụng và cộng tác viên công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

1. Quyền của cán bộ tín dụng và cộng tác viên CDCTTTCS

a. Cán bộ tín dụng

(i) Được tạo điều kiện đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao (chất lượng, tiến độ, hiệu quả).

(ii) Yêu cầu người vay vốn cung cấp đầy đủ thông tin, giấy tờ có liên quan để bảo đảm điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 6; điểm d khoản 1 và khoản 2, Điều 19 Quy chế này.

(iii) Chủ trì, phối hợp với CDCTTTCS, CĐCS để hướng dẫn, thẩm định vay vốn trực tiếp tại cơ sở đối với người vay vốn là đoàn viên, CNVCLĐ thuộc địa bàn được phân công phụ trách, quản lý.

(iv) Tham mưu, đề xuất Giám đốc Quỹ trợ vốn phê duyệt khoản (mức) vay đối với người vay đạt đủ điều kiện theo Quy chế này và đề xuất từ chối khoản (mức) vay đối với người vay không đạt đủ điều kiện theo Quy chế này.

(v) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của đoàn viên, CNVCLĐ vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

b. Cộng tác viên công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

(i) Được hưởng 3% trên tổng số lãi vay thu được hàng tháng khi CDCTTTCS ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn và nộp đầy đủ các khoản tiền (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB đúng hạn về Quỹ trợ vốn.

(ii) Được cung cấp thông tin liên quan về các sản phẩm hoạt động thuộc các chương trình, dự án tài chính vi mô của Quỹ trợ vốn theo Điều 5 Quy chế này để triển khai đến đoàn viên, CNVCLĐ thuộc đơn vị, theo phân cấp quản lý.

(iii) Phối hợp với cán bộ tín dụng Quỹ trợ vốn thẩm định đối với các khoản vay của đoàn viên, CNVCLĐ tại các CĐCS trực thuộc trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

(iv) Tham gia vào công tác kiểm tra vốn vay tại CĐCS và người vay vốn theo kế hoạch kiểm tra vốn vay hàng năm, định kỳ hàng tháng của Quỹ trợ vốn.

(v) Tham gia tập huấn nghiệp vụ liên quan đến hoạt động cho vay; dự các hội nghị sơ kết, tổng kết của Quỹ trợ vốn, hội nghị gặp mặt cộng tác viên,...

2. Trách nhiệm của cán bộ tín dụng và cộng tác viên công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

a. Cán bộ tín dụng

(i) Viên chức, nhân viên tín dụng (Cán bộ tín dụng) có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai, thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy trình được quy định tại Quy chế này và Quy chế phân công nhiệm vụ đối với CBVC, NLĐ Quỹ trợ vốn.

(ii) Chịu trách nhiệm về các nội dung, công tác tuyên truyền giới thiệu các sản phẩm hoạt động của Quỹ trợ vốn và các quy trình nghiệp vụ công tác tín dụng liên quan đến các khoản vay theo địa bàn quản lý đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch tháng, năm được giao; chịu trách nhiệm tham mưu với Giám đốc về khoản vay giải ngân cho người vay vốn (bao gồm cả trường hợp Quỹ trợ vốn ký Hợp đồng trách nhiệm trực tiếp với CDCS nơi CDC/TTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn).

(iii) Là đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện các quy trình: hướng dẫn, triển khai hồ sơ vay vốn; thẩm định; phê duyệt hồ sơ; giải ngân; thu hồi vốn vay; kiểm tra sau vay; thu hồi, lưu trữ hồ sơ vay vốn (quy trình lưu trữ hồ sơ, dữ liệu tín dụng); xử lý nợ quá hạn (nếu có) theo địa bàn phụ trách, quản lý. Hướng dẫn CDCS tự kiểm tra vay vốn đoàn viên theo phân cấp quản lý.

(iv) Theo dõi và chịu trách nhiệm đôn đốc, thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB theo địa bàn được phân công quản lý, phụ trách đảm bảo kịp thời, đầy đủ, an toàn tuyệt đối, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn; Nắm bắt và kịp thời báo cáo với Giám đốc Quỹ trợ vốn những thông tin liên quan đến người vay vốn như: nợ quá hạn, chuyển công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và các trường hợp bỏ học, nghỉ học giữa chừng, bị buộc thôi học, bỏ trốn, chết, mất tích,... Đồng thời đề xuất, tham mưu với Giám đốc Quỹ trợ vốn các biện pháp, giải pháp hiệu quả để xử lý các trường hợp trên kịp thời, đúng quy định.

(v) Tham mưu và đề xuất với Giám đốc các giải pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

(vi) Sử dụng cổng thông tin CIC (Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam - Ngân hàng Nhà nước): Cán bộ tín dụng chỉ được sử dụng cổng thông tin CIC trong thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công để tra cứu thông tin tín dụng của người vay tại địa bàn được phân công quản lý, phụ trách, tuyệt đối không sử dụng cho mục đích cá nhân. Hạn chế thấp nhất việc tra cứu sai thông tin gây lãng phí cho Quỹ trợ vốn; đảm bảo bảo mật tuyệt đối user, password đăng nhập vào hệ thống. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc Quỹ trợ vốn trong trường hợp để lộ, lợi thông tin người vay vốn cho bên thứ ba.

(vii) Phối hợp tốt với các bộ phận chuyên môn trong cơ quan, và với viên chức, người lao động của Bộ phận Tín dụng, đặc biệt với cán bộ kế toán trong thực hiện nhiệm vụ được giao; Báo cáo thường xuyên, kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực với Giám đốc về tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

(viii) Hàng tháng cán bộ tín dụng được giao phụ trách điều phối nguồn vốn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cán bộ kế toán để theo dõi dư nợ của từng chương trình, dự án tài chính vi mô nhằm kịp thời tham mưu, đề xuất kế hoạch tín dụng đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả và kiểm soát dư nợ cho từng chương trình, dự án do Quỹ trợ vốn quản lý.

b. Cộng tác viên Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

(i) Cùng với Quỹ trợ vốn tuyên truyền, giới thiệu các sản phẩm hoạt động của Quỹ trợ vốn để triển khai vốn vay đến đoàn viên, CNVCLD; rà soát, hướng dẫn người vay vốn hoàn thiện hồ sơ vay vốn theo quy định tại Quy chế này.

(ii) Phối hợp với Quỹ trợ vốn thông báo lịch tuyên truyền, thẩm định, hướng dẫn ký kết hợp đồng, giải ngân (đối với trường hợp giải ngân bằng tiền mặt), kiểm tra vốn vay tới CDCS, người vay vốn và chuẩn bị các điều kiện khác (nếu có) để đảm bảo thực hiện tốt công tác tín dụng.

(iii) Đôn đốc thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB hàng tháng của người vay vốn đầy đủ, đúng hạn nộp về Quỹ trợ vốn theo Hợp đồng trách nhiệm, Hợp đồng vay vốn đã ký; đôn đốc để hoàn thiện các giấy tờ, hồ sơ, chứng từ đầy đủ theo quy định của Quỹ trợ vốn. Công tác thu hồi vốn vay cần đảm bảo an toàn tuyệt đối, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn.

(iv) Phối hợp chặt chẽ với cán bộ tín dụng Quỹ trợ vốn trong công tác theo dõi vay vốn, kịp thời thông báo với Quỹ trợ vốn những thông tin liên quan đến người vay vốn như: nợ quá hạn, chuyển công tác, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, bỏ trốn, chết, mất tích,... để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ (gốc vay, lãi vay) của người vay vốn, kể cả các khoản nợ chưa đến hạn.

(v) Hàng tháng gửi bảng tổng hợp thu hồi gốc, lãi, TKBB (có xác nhận của CĐCTTTCS) về Quỹ trợ vốn sau khi chuyển tiền gốc vay, lãi vay, TKBB theo quy định.

Điều 11. Quy trình hướng dẫn, triển khai hồ sơ vay vốn

Cán bộ Tín dụng phụ trách theo địa bàn có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Giám đốc những nội dung sau:

1. Trước ngày 01 hàng tháng, Bộ phận Tín dụng chủ trì, phối hợp với Bộ phận Kế toán để tham mưu cân đối nguồn, xây dựng kế hoạch tín dụng đối với từng chương trình, dự án tài chính vi mô do Quỹ trợ vốn quản lý trình Giám đốc phê duyệt. Đồng thời, cán bộ tín dụng phụ trách theo địa bàn thông báo triển khai giải ngân nguồn vốn (bằng văn bản) đến các bộ phận chuyên môn của Quỹ trợ vốn và CĐCTTTCS có tên trong kế hoạch tín dụng.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CDCS (nơi CĐCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng thông báo triển khai giải ngân nguồn vốn (bằng văn bản) đến CĐCS và các bộ phận chuyên môn của Quỹ trợ vốn.

2. Phối hợp với CĐCTTCS/CĐCS thực hiện tuyên truyền, triển khai các sản phẩm cho vay, quy định, quy chế cho vay của Quỹ trợ vốn đến đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn quản lý; hướng dẫn đoàn viên, CNVCLĐ có nhu cầu vay vốn kê khai, cung cấp các thông tin, văn bản, tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn.

Điều 12. Quy trình thẩm định

1. Căn cứ để thực hiện thẩm định vay vốn, gồm:

- a. Tờ trình đề nghị vay vốn của CĐCS.
- b. Bảng tổng hợp đề nghị vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ.
- c. Đơn đề nghị vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ.
- d. Căn cước/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người vay.
- e. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đại diện lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp trong trường hợp cá nhân vay vốn là đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp..

Lưu ý: Cán bộ tín dụng phối hợp tích cực, khẩn trương, hiệu quả cao với CĐCTTCS, CĐCS để triển khai, thực hiện nhiệm vụ, đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ nêu tại khoản 1 điều này trước ngày 12 hàng tháng, kịp thời rà soát, thẩm định vay vốn và báo cáo, trình Giám đốc Quỹ trợ vốn xem xét, phê duyệt; hồ sơ đề nghị Giám đốc Quỹ trợ vốn phê duyệt phải đảm bảo đúng, đủ quy trình quy định, đồng thời đảm bảo cân đối nguồn vốn, thống nhất nội dung (HĐTN kèm phụ lục, Bảng tổng hợp, đơn đề nghị vay vốn,...) của từng chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Cán bộ Tín dụng thực hiện rà soát, thẩm định hồ sơ vay, gồm:

a. Đối chiếu Căn cước/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu với thông tin trên Đơn đề nghị vay vốn/Cam kết trả nợ và Bảng tổng hợp đề nghị vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ (thông tin cá nhân; năm tham gia hoặc làm việc tại đơn vị có tổ chức công đoàn; thu nhập bình quân; mục đích sử dụng vốn vay,...).

b. Kiểm tra thu nhập và độ tuổi, số năm công tác tại đơn vị, tham gia BHXH bắt buộc của người vay đảm bảo theo đúng quy định được nêu tại Quy chế này.

c. Mục đích sử dụng vốn vay: phù hợp với quy định về các sản phẩm cho vay của Quỹ trợ vốn.

d. Kiểm tra thông tin tài khoản của khách hàng vay vốn đảm bảo đầy đủ, chính xác.

e. Kiểm tra tính đầy đủ các nội dung trên Đơn đề nghị vay vốn.

Cán bộ tín dụng chịu trách nhiệm để đảm bảo chính xác, thống nhất nội dung, thông tin được nêu tại: đơn đề nghị vay vốn với Bảng tổng hợp đề nghị vay vốn của đoàn viên, CNVCLĐ.

3. Cán bộ tín dụng thực hiện thẩm định vay vốn (thẩm định trực tiếp tại cơ sở)

a. Cán bộ tín dụng chủ trì, thực hiện công tác thẩm định vay vốn, lập Biên bản thẩm định vay vốn có xác nhận của CDCTTTCS và đại diện Ban Chấp hành CDCS.

b. Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn ký Hợp đồng trách nhiệm trực tiếp với CDCS (nơi CDCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng chủ trì, thực hiện công tác thẩm định vay vốn, lập Biên bản thẩm định vay vốn có xác nhận của đại diện Ban Chấp hành CDCS, đại diện lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp.

4. Thẩm định, tra cứu thông tin quan hệ tín dụng khách hàng trên hệ thống Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC)

a. Cán bộ tín dụng tra cứu thông tin tín dụng của đoàn viên, CNVCLĐ đăng ký vay vốn trên CIC.

b. In phiếu kết quả báo cáo thông tin quan hệ tín dụng (CIC) của người vay kèm theo hồ sơ vay vốn của đoàn viên.

5. Nhập dữ liệu người vay vào hệ thống phần mềm CNTT

Trước khi nhập dữ liệu, cán bộ tín dụng tiến hành phân loại khách hàng vay vốn theo từng chương trình, dự án tài chính vi mô, sau đó nhập dữ liệu của người vay đầy đủ, chính xác vào hệ thống phần mềm bao gồm các thông tin cá nhân của người vay (họ và tên, ngày sinh, số CCCD, năm công tác, mức thu nhập, nghề nghiệp,...); thông tin khoản vay (sản phẩm vay, mục đích vay, số tiền vay,...); thông tin quan hệ tín dụng (CIC) của người vay, mã nguồn chương trình,... theo Bảng tổng hợp người vay nhập phần mềm (Mẫu số 11/FEI).

6. Kiểm tra Tờ trình đề xuất vay vốn trên hệ thống phần mềm CNTT

Cán bộ tín dụng cập nhật tờ trình đề xuất vay vốn trên phần mềm. Trong Tờ trình, cán bộ tín dụng kiểm tra các thông tin, đặc biệt kiểm tra số người được đề xuất cho vay, số người không đề xuất cho vay, lý do không được vay trong từng trường hợp cụ thể như sau:

a. Trường hợp 1: Cán bộ tín dụng kiểm tra, đề xuất chấp nhận cho vay đối với đoàn viên, CNVCLĐ đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện sau:

(i) Chưa có dư nợ hoặc dư nợ dưới 100 triệu đồng (trước thời điểm giải ngân 2 tháng trở lên). Đối với sản phẩm vay vốn cải thiện nhà ở có dư nợ dưới 200 triệu đồng.

(ii) Dư nợ tại 2 tổ chức tín dụng trở xuống.

(iii) Không phát sinh nợ xấu (trong vòng 3 năm), nợ cần chú ý (trong vòng 12 tháng) tính đến thời điểm kiểm tra CIC.

b. Trường hợp 2: Cán bộ tín dụng trao đổi, nắm bắt thông tin với BCH CDCS đối với đoàn viên, CNVCLĐ vay vốn trong các trường hợp sau:

(i) Có dư nợ từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng (đối với sản phẩm vay vốn cải thiện nhà ở có dư nợ từ 200 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng).

(ii) Dư nợ tại 3 tổ chức tín dụng.

(iii) Phát sinh khoản vay dưới 2 tháng tại các tổ chức Tín dụng (đối với tất cả khách hàng chưa có phát sinh dư nợ trước đó trong vòng 12 tháng gần nhất).

Trong trường hợp chấp thuận: CDCS bổ sung văn bản cam kết đảm bảo hoặc tờ trình kèm theo danh sách đoàn viên vay vốn có xác nhận Lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp và Ban Chấp hành CDCS.

c. Trường hợp 3: Cán bộ tín dụng kiểm tra, đề xuất không cho vay đối đoàn viên CNVCLD vay vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) Có nợ xấu trong vòng 03 năm tính đến thời điểm kiểm tra CIC.

(ii) Có nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm kiểm tra CIC.

(iii) Đang có dư nợ vay từ 4 tổ chức tín dụng trở lên.

(iv) Đang có dư nợ ≥ 300 triệu đồng đối với sản phẩm vay vốn cải thiện nhà ở; dư nợ ≥ 200 triệu đồng đối với các sản phẩm vay vốn còn lại.

7. Thông báo đến CDCS

Cán bộ tín dụng có trách nhiệm thông báo với Ban Chấp hành CDCS nội dung sau:

a. Thông báo các trường hợp đủ điều kiện, không đủ điều kiện vay.

b. Nắm bắt thông tin các trường hợp phải rà soát, kiểm tra lại.

c. Triển khai và bổ sung các trường hợp vay (người vay vốn mới), đồng thời vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng quy định, quy trình vay vốn quy định tại quy chế này.

d. Bổ sung văn bản cam kết đảm bảo hoặc tờ trình kèm theo danh sách đoàn viên vay vốn có xác nhận Lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp và BCH CDCS (đối với trường hợp được quy định tại điểm b, khoản 6 điều này).

8. Cán bộ tín dụng có trách nhiệm thông báo với CDCTTCS danh sách người vay đủ điều kiện vay vốn từ Quỹ trợ vốn và danh sách người vay không đủ điều kiện vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

Điều 13. Quy trình phê duyệt hồ sơ

Cán bộ Tín dụng phụ trách theo địa bàn có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Giám đốc những nội dung sau:

1. Dựa trên kết quả thông tin tín dụng và hồ sơ vay vốn đã được kiểm tra, thẩm định, cán bộ tín dụng dự thảo và ký Tờ trình đề xuất cho vay từ phần mềm CNTT có thẩm định, kiểm tra, xác nhận của Trưởng bộ phận Tín dụng, sau đó trình Giám đốc phê duyệt (kèm theo hợp đồng vay vốn, hợp đồng trách nhiệm CDCS, CDCTTCS và phụ lục đính kèm).

2. Dự thảo hợp đồng (khai thác từ phần mềm CNTT) và ký nháy chịu trách nhiệm trên các hợp đồng trình Giám đốc phê duyệt: Hợp đồng trách nhiệm với

CDTTTTCS; Hợp đồng trách nhiệm với CĐCS, lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp; Hợp đồng vay vốn với từng cá nhân, người vay vốn.

3. Tham mưu văn bản thông báo lịch giải ngân và dự kiến CBVC.NLĐ tham gia công tác giải ngân tại cơ sở trình Giám đốc phê duyệt (trong trường hợp giải ngân bằng hình thức Tiền mặt) hoặc lịch ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm (trong trường hợp giải ngân bằng hình thức chuyển khoản).

Lưu ý: Trước 31/12 hàng năm, cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm tham mưu, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá công tác tín dụng năm trước và Kế hoạch công tác tín dụng của năm tiếp theo báo cáo, trình Giám đốc phê duyệt.

Điều 14. Quy trình giải ngân

1. Trường hợp giải ngân theo phương thức chuyển khoản

1.1. Trước khi giải ngân

Căn cứ vào kế hoạch được Giám đốc phê duyệt, các bộ phận nghiệp vụ Quỹ trợ vốn thực hiện như sau:

a. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý theo địa bàn

(i) Thông báo lịch ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm cho CDTTTTCS.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CDTTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng, thông báo lịch ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm cho CĐCS.

(ii) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ vay vốn và các tài liệu, giấy tờ có liên quan phục vụ công tác ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm.

(iii) Rà soát, kiểm tra kỹ hồ sơ đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định, quy trình nghiệp vụ công tác tín dụng của Quỹ trợ vốn và chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất cho vay trước khi trình Giám đốc hồ sơ đề xuất phê duyệt giải ngân.

b. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý theo địa bàn hướng dẫn công tác ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm tại CĐCS, thực hiện như sau:

(i) Đối chiếu Căn cước/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu gốc của người vay với hồ sơ vay vốn và hướng dẫn người vay vốn ký kết hợp đồng.

(ii) Hướng dẫn người vay vốn kiểm tra lại thông tin cá nhân và ký Hợp đồng vay vốn.

(iii) Hướng dẫn ký Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với Ban Chấp hành CĐCS, lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp; Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với CDTTTTCS.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CDTTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng, hướng dẫn ký

Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với Ban Chấp hành CĐCS, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp.

1.2. Khi thực hiện giải ngân

a. Cán bộ Tín dụng lập Tờ trình giải ngân và tổng hợp số lượng người vay vốn theo từng chương trình, dự án tài chính vì mô kèm theo đề xuất danh sách giải ngân qua tài khoản cùng đầy đủ hồ sơ vay vốn (có thẩm định, kiểm tra, xác nhận của Trưởng bộ phận tín dụng) trình Giám đốc Quỹ trợ vốn phê duyệt.

b. Bộ phận Kế toán kiểm tra nguồn tiền tại Quỹ theo từng chương trình, dự án tài chính vì mô. Đảm bảo đủ nguồn tiền để giải ngân, Bộ phận Kế toán lập các chứng từ trình Giám đốc phê duyệt giải ngân cho người vay qua tài khoản ngân hàng. Cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn phối hợp với Bộ phận kế toán theo dõi tiến độ giải ngân và xử lý kịp thời các trường hợp phát sinh xảy ra (nếu có) cho đến khi số tiền giải ngân được chuyển đầy đủ về tài khoản của người vay.

2. Trường hợp giải ngân theo phương thức tiền mặt

Trong trường hợp người vay tại cùng một CĐCS đều không có tài khoản ngân hàng hoặc trong một số trường hợp đặc thù khác, Quỹ trợ vốn thực hiện giải ngân theo phương thức tiền mặt trên cơ sở đề xuất của Cán bộ tín dụng và được sự phê duyệt của Giám đốc Quỹ trợ vốn.

2.1. Trước khi giải ngân

Căn cứ vào kế hoạch được Giám đốc phê duyệt, các bộ phận nghiệp vụ Quỹ trợ vốn thực hiện như sau:

a. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý theo địa bàn

(i) Thông báo lịch giải ngân cho CĐCTTCS.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng thông báo (bằng văn bản) lịch ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm đến CĐCS.

(ii) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ vay vốn và các tài liệu, giấy tờ có liên quan phục vụ công tác giải ngân.

b. Bộ phận Kế toán

Phối hợp với Bộ phận tín dụng chuẩn bị đầy đủ số tiền mặt theo kế hoạch giải ngân, đảm bảo an toàn và kiểm đếm tiền mặt đầy đủ, chính xác.

2.2. Trong quá trình giải ngân

Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý theo địa bàn thực hiện như sau:

a. Đối chiếu Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người vay với hồ sơ vay vốn.

b. Hướng dẫn người vay vốn kiểm tra lại thông tin cá nhân và ký Hợp đồng vay vốn, ký xác nhận vào Bảng kê chi phát vốn vay và thực hiện giao tiền mặt cho người vay.

2.3. Kết thúc quá trình giải ngân

Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý theo địa bàn thực hiện như sau:

a. Đối chiếu, chốt danh sách người đã vay vốn (đã nhận tiền vốn) và số tiền đã giải ngân.

b. Hướng dẫn ký Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với Ban chấp hành CĐCS, thủ trưởng đơn vị; Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với CĐCTTCS. Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng, hướng dẫn ký Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với Ban Chấp hành CĐCS, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp.

Điều 15. Quy trình thu hồi vốn vay

1. CĐCTTCS, CĐCS và người vay vốn

a. Hàng tháng người vay vốn nộp tiền (gốc vay, lãi vay, TKBB) trả cho Quỹ trợ vốn đầy đủ, đúng thời hạn theo mức quy định tại hợp đồng vay vốn đã ký.

b. Số tiền trên, người vay vốn nộp cho đại diện Ban Chấp hành CĐCS, sau đó Ban Chấp hành CĐCS tổng hợp và nộp về CĐCTTCS đầy đủ, đúng hạn.

c. Đại diện CĐCTTCS tổng hợp và nộp tiền (gốc vay, lãi vay, TKBB) đầy đủ, đúng hạn cho Quỹ trợ vốn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký. Đảm bảo kịp thời, đầy đủ, không để thất thoát nguồn vốn.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), đại diện Ban chấp hành CĐCS nộp tiền trực tiếp về tài khoản của Quỹ trợ vốn theo hợp đồng trách nhiệm đã ký.

d. Phương thức nộp, trả tiền vay (gốc, lãi) và tiền TKBB của CĐCS và CĐCTTCS về Quỹ trợ vốn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Quỹ trợ vốn

a. Cán bộ tín dụng

(i) Trước ngày 03 hàng tháng, cán bộ tín dụng được phân công quản lý, phụ trách địa bàn lập dự thu tín dụng (chi tiết đến từng khách hàng vay vốn) trên phần mềm CNTT. Trước 03 ngày đến thời hạn thu nợ theo từng CĐCTTCS, cán bộ tín dụng tổng hợp danh sách người vay tất toán trong tháng và sửa lại dự thu tín dụng trên phần mềm CNTT (nếu có).

(ii) Trước ngày 05 hàng tháng, Cán bộ tín dụng tổng hợp công nợ thuộc bộ phận Tín dụng, tổng hợp lịch thu nợ theo từng chương trình, dự án tài chính vi mô (chi tiết từng CĐCTTCS, CĐCS) có xác nhận của Bộ phận Kế toán để báo cáo Giám đốc Quỹ trợ vốn.

(iii) Kiểm tra, đối chiếu các bảng tổng hợp thu gốc, lãi, TKBB gửi CĐCTTCS, CĐCS để đơn đốc thu tiền hàng tháng và thu hồi chứng từ chuyển Bộ phận kế toán.

(iv) Cán bộ tín dụng thực hiện theo dõi và chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn cộng tác viên CDCTTCS, đại diện Ban Chấp hành CĐCS trong việc đối chiếu nguồn vốn thu hồi trong tháng (gốc vay, lãi vay, TKBB) theo từng chương trình, dự án tài chính vi mô, hợp đồng trách nhiệm và hợp đồng vay vốn đã ký theo địa bàn được giao phụ trách, quản lý; chịu trách nhiệm trong phạm vi địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách đề đảm bảo nguồn vốn thu hồi trong tháng (gốc vay, lãi vay, TKBB) phải được thu hồi kịp thời, đầy đủ, an toàn tuyệt đối, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn.

(v) Lập bảng trích 3% và 4% trên tổng số lãi vay thu được hàng tháng cho các đơn vị vay vốn nơi CDCTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn (nếu có).

(vi) Cán bộ Tín dụng phụ trách địa bàn chịu trách nhiệm và phối hợp với Bộ phận kế toán theo dõi sát tiến độ, số tiền ĐCCTTCS/CĐCS nộp về Quỹ trợ vốn đảm bảo đúng, đủ, chính xác theo nguồn của từng chương trình, dự án tài chính vi mô.

(vii) Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng cán bộ tín dụng được giao phụ trách, quản lý địa bàn lập và in trên phần mềm Bảng kê chi tiết thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB tháng trước liền kề của từng CĐCS theo địa bàn vay vốn đã được phân công quản lý, phụ trách, chuyển Bộ phận kế toán kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp và trình Giám đốc Quỹ trợ vốn ký duyệt. Khi có sự thay đổi về số tiền, số người thu nợ, Bộ phận tín dụng phải đề xuất điều chỉnh dự thu trình Giám đốc phê duyệt và kịp thời cập nhật thông tin điều chỉnh lên phần mềm CNTT, đồng thời chuyển Bộ phận kế toán để tiến hành điều chỉnh phân bổ, hạch toán chính xác, kịp thời.

(viii) Chịu trách nhiệm và kịp thời tham mưu biện pháp, giải pháp hiệu quả để giải quyết đối với những trường hợp người vay vốn chậm trả, nợ quá hạn, nợ khó đòi (nếu có).

b. Bộ phận Kế toán

(i) Theo dõi dòng tiền thu hồi từ các đơn vị theo nguồn của từng chương trình, dự án tài chính vi mô; thông báo, đối chiếu công nợ với Bộ phận Tín dụng đảm bảo đầy đủ, chính xác số tiền theo dự thu tín dụng hàng tháng.

(ii) Phân bổ nguồn tiền thu được theo từng chương trình, dự án tài chính vi mô trên phần mềm CNTT; theo dõi và hạch toán chi tiết nghiệp vụ cho vay, thu hồi vốn (gốc vay, lãi vay, TKBB).

(iii) Tập hợp, kiểm tra, đối chiếu các bảng tổng hợp thu gốc, lãi, TKBB của CDCTTCS, CĐCS với số tiền đã thu hàng tháng và lưu trữ theo quy định.

(iv) Phối hợp với Bộ phận Tín dụng để đôn đốc thu tiền hàng tháng và thu hồi chứng từ của CĐCS (nếu có), CDCTTCS (Bảng tổng hợp thu gốc, lãi, TKBB).

Điều 16. Quy trình kiểm tra sau vay

Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm chủ trì, tham mưu công tác kiểm tra sau vay vốn báo cáo, trình Giám đốc xem xét, quyết định:

1. Trước 31/12 hàng năm, cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm tham mưu, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá công tác kiểm tra sau vay vốn năm trước và Kế hoạch công tác kiểm tra vốn vay của năm tiếp theo báo cáo, trình Giám đốc phê duyệt.

2. Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng tháng (trước ngày mùng 05) báo cáo Giám đốc và triển khai, thực hiện kế hoạch được duyệt như sau:

2.1. Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn phối hợp với CĐCTTTCS, CĐCS kiểm tra vốn vay:

a. Cán bộ tín dụng quản lý, phụ trách địa bàn thông báo đến CĐCTTTCS về kế hoạch kiểm tra người vay vốn tại CĐCS.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng quản lý, phụ trách địa bàn thông báo đến CĐCS về kế hoạch kiểm tra người vay vốn tại CĐCS.

b. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn chủ trì, cùng với CĐCTTTCS và Ban Chấp hành CĐCS trong việc giám sát, kiểm tra sử dụng vốn vay của đoàn viên, CNVCLĐ.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn chủ trì, cùng với Ban Chấp hành CĐCS trong việc kiểm tra sử dụng vốn vay của đoàn viên, CNVCLĐ.

c. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, giấy tờ kiểm tra có liên quan được xác nhận bởi Đại diện CĐCTTTCS và Ban Chấp hành CĐCS.

Đối với trường hợp Quỹ trợ vốn cho vay trực tiếp đến CĐCS (nơi CĐCTTTCS không ký Hợp đồng trách nhiệm với Quỹ trợ vốn), cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, giấy tờ kiểm tra có liên quan được xác nhận bởi Đại diện Ban Chấp hành CĐCS.

d. Cán bộ tín dụng cập nhật trên phần mềm CNIT danh sách người vay đã được kiểm tra trong tháng nhằm phục vụ cho công tác báo cáo số liệu hàng tháng/cả năm.

2.2. Đối với trường hợp CĐCS tự kiểm tra vay vốn người vay thuộc phân cấp quản lý

a. Cán bộ tín dụng hướng dẫn CĐCS cách thức kiểm tra vay vốn bao gồm các nội dung sau: mục đích sử dụng vốn vay, khả năng hoàn trả, hiệu quả sử dụng vốn,...

b. CĐCS lập Biên bản kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay từ Quỹ trợ vốn kèm theo Bảng Tổng hợp tình hình kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay (Theo Mẫu 13 và Mẫu 13A) và gửi về Quỹ trợ vốn theo dõi, tổng hợp.

c. Cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn kiểm tra các nội dung trên Bảng Tổng hợp tình hình kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay trùng khớp với hồ sơ vay vốn: họ tên người vay, địa chỉ, số hợp đồng, ngày hợp đồng, mức vay, mục đích sử dụng vốn vay, chữ ký của người vay,...

d. Cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn cập nhật trên phần mềm CNTT danh sách người vay đã được CDCS kiểm tra trong tháng nhằm phục vụ cho công tác báo cáo số liệu hàng tháng/ cả năm.

3. Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm tổng hợp và lưu hồ sơ kiểm tra vay vốn đầy đủ theo tháng/năm.

Điều 17. Quy trình thu hồi, lưu trữ hồ sơ vay vốn

1. Trong quá trình thẩm định, kiểm tra hồ sơ, cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn kịp thời thông báo những giấy tờ còn thiếu (nếu có) cho CDCTTCS, đại diện Ban Chấp hành CDCS, người vay vốn để hoàn thiện hồ sơ đầy đủ, chính xác.

2. Hồ sơ phải được rà soát, sắp xếp và đóng thành bộ theo trình tự, thứ tự quy định tại Quyết định số 170/QĐ-QTV ngày 09/8/2023 trước khi trình Giám đốc phê duyệt. Sau khi giải ngân, cán bộ tín dụng lưu trữ hồ sơ bảo đảm khoa học, gọn gàng, đầy đủ.

3. Việc lưu trữ hồ sơ và dữ liệu tín dụng của Quỹ trợ vốn được thực hiện theo quy trình quy định nội bộ của Quỹ trợ vốn, ban hành kèm theo Quyết định số 170/QĐ-QTV ngày 09/8/2023.

4. Định kỳ trước 28/02 hằng năm, Bộ phận tín dụng báo cáo Giám đốc danh sách hồ sơ tất toán, thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ tất toán trên kho lưu trữ và tổng hợp quản lý dữ liệu, hồ sơ tất toán bằng Files mềm.

Điều 18. Quy trình xử lý nợ quá hạn

Đối với người vay vốn chậm trả vốn vay hoặc nợ quá hạn (gốc vay, lãi vay, TKBB) tính từ thời điểm người vay vốn phải trả (gốc vay, lãi vay, TKBB) được ghi trong hợp đồng vay vốn, Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn tham mưu Ban Giám đốc giải quyết theo trình tự như sau:

1. Tiếp nhận thông tin nợ quá hạn từ CDCTTCS, CDCS.

2. Rà soát, đánh giá hồ sơ của người vay.

3. Xác minh thực trạng của người vay bao gồm: hoàn cảnh gia đình, mức độ hợp tác, khả năng tài chính,...

4. Tiến hành đơn đốc thu hồi nợ quá hạn trực tiếp đối với người vay vốn hoặc thông qua các cấp: CDCTTCS, CDCS, lãnh đạo đơn vị có đoàn viên, CNVCLĐ vay vốn hoặc các cơ quan có liên quan.

5. Ban hành văn bản đề nghị thanh toán nợ quá hạn (văn bản phải được ghi số lần ban hành, thời hạn phải thanh toán,...), đồng thời làm việc trực tiếp với CDCS,

lãnh đạo đơn vị và các cơ quan có liên quan (được lập thành Biên bản có xác nhận của đại diện thành phần làm việc).

6. Theo dõi tiến độ trả nợ theo Biên bản làm việc.

7. Xây dựng, phê duyệt phương án xử lý nợ quá hạn: gia hạn nợ, khoanh nợ, miễn giảm lãi (nếu có) hoặc khởi kiện,... theo Quyết định số 78/QĐ-HĐQL ngày 09/8/2021 về việc ban hành Quy chế quản lý rủi ro tín dụng và xử lý nợ bị rủi ro tại Quỹ trợ vốn.

8. Thực hiện phương án xử lý nợ đã được phê duyệt; trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQL ngày 09/8/2021 về việc ban hành Quy chế trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng Quỹ trợ vốn (nếu có). Khi thực hiện phương án xử lý nợ quá hạn, CBVC,NLĐ Quỹ trợ vốn phải tuyệt đối tuân thủ chế độ bảo mật thông tin, không được cung cấp thông tin việc xử lý nợ quá hạn cho người vay hoặc tập thể (nơi có người vay nợ quá hạn) dưới bất kỳ hình thức nào. Đồng thời, cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn nơi có người vay nợ quá hạn vẫn phải tiếp tục theo dõi sát sao và đôn đốc để thu hồi nguồn vốn bị nợ quá hạn nêu trên theo quy định.

Việc xử lý nợ quá hạn theo Quy trình nội bộ xử lý nợ quá hạn của Quỹ trợ vốn; khi tiến hành các bước xử lý nợ quá hạn phải được triển khai linh động, khoa học, căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao.

Điều 19. Hồ sơ vay vốn

1. Hồ sơ chung đối với các sản phẩm vay của chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại điểm a, b mục 2.1 khoản 2 Điều 5 gồm:

a. Quỹ trợ vốn

(i) Tờ trình đề xuất cho vay; (Mẫu 06/FEI)

(ii) Báo cáo thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng vay vốn (CIC);

(iii) Biên bản thẩm định vay vốn tại cơ sở. (Mẫu 5A/FEI)

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

(i) Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với CDC TTCS; (Mẫu số 09/FEI)

(ii) Bảng tổng hợp người vay vốn có xác nhận của CDC TTCS. (Mẫu 02/FEI)

c. Công đoàn cơ sở

(i) Tờ trình đề nghị vay vốn của CĐCS có xác nhận của thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp; (Mẫu 03/FEI)

(ii) Bảng tổng hợp người vay vốn có xác nhận thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp; (Mẫu 02/FEI)

(iii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đại diện lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp; (Mẫu 04/FEI) (trong trường hợp cá nhân vay vốn là đoàn viên công đoàn, CNLĐ đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp;

(iv) Hợp đồng trách nhiệm giữa Quỹ trợ vốn với CĐCS; (Mẫu 08/FEI, Mẫu 08A/FEI).

d. Người vay vốn

(i) Đơn đề nghị vay vốn/Cam kết trả nợ có xác nhận của thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp; (Mẫu 01/FEI)

(ii) Bản photo Căn cước/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (khi nhận vốn vay có bản gốc để đối chiếu);

(iii) Hợp đồng vay vốn giữa Quỹ trợ vốn và người vay vốn. (Mẫu 07/FEI, Mẫu 7A/FEI).

2. Hồ sơ riêng (bổ sung thêm) đối với từng sản phẩm vay của mỗi chương trình, dự án tài chính vi mô, như sau:

2.1. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ vay vốn đối với sản phẩm vay hỗ trợ học nghề quy định tại điểm a, mục 2.1, khoản 2, Điều 5 cần bổ sung như sau:

Thông báo nhập học của cơ sở đào tạo hoặc giấy tờ chứng minh người vay đang học tại cơ sở đào tạo (01 bản photo kèm bản gốc để cán bộ tín dụng Quỹ trợ vốn kiểm tra đối chiếu) hoặc Quyết định/văn bản của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp đồng ý cho đoàn viên, CNVCLĐ đi học hoặc Giấy cam kết của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị và CĐCS về mục đích vay vốn hỗ trợ học nghề của người vay.

2.2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ vay vốn đối với sản phẩm vay hỗ trợ con đoàn viên đi học quy định tại điểm a, mục 2.1, khoản 2, Điều 5 cần bổ sung như sau:

Giấy tờ chứng minh con người vay đang học tại cơ sở đào tạo, gồm: Phiếu nộp tiền học phí hoặc Giấy xác nhận đang học của cơ sở đào tạo (bản photo công chứng hoặc photo kèm bản gốc để đối chiếu) hoặc giấy tờ khác có liên quan (thẻ sinh viên, thẻ học viên,...) và Giấy khai sinh con người vay.

2.3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ vay vốn đối với sản phẩm vay cải thiện nhà ở quy định tại điểm b, mục 2.1, khoản 2, Điều 5 cần bổ sung như sau:

a. Biên bản thẩm định vay vốn tại cơ sở quy định tại mục iii điểm a khoản 1 Điều này được thay bằng Biên bản thẩm định vay vốn áp dụng trong trường hợp cho vay cải thiện nhà ở; (Mẫu 05B/FEI)

b. Người vay cần bổ sung một trong các văn bản, cụ thể như sau:

(i) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất đứng tên người vay vốn hoặc Bản phôi tờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất (khi thẩm định hiện trạng công trình có bản gốc để đối chiếu); hoặc giấy tờ khác có liên quan chứng minh mảnh đất (nhà) thuộc sở hữu của người vay vốn hoặc được cho, tặng.

Trường hợp người vay không đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất và không có giấy tờ chứng minh mảnh đất (nhà) được người khác cho, tặng, thì người vay vốn cần bổ sung văn bản cam kết có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc CĐCS và lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp, cụ thể như sau: Cam kết người vay đang cư trú và sẽ tiếp tục cư trú dài hạn tại nơi có dự định xây mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở; những người có quyền lợi, trách nhiệm liên quan trên mảnh đất đó (bố, mẹ, anh chị em,...) nhất trí và ủy quyền, đồng ý để người vay vốn xây mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở.

(ii) Giấy cam kết của lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị và Ban Chấp hành CĐCS xác nhận nơi ở và mục đích vay cải thiện nhà ở của người vay.

Lưu ý: Riêng đối với trường hợp người vay vốn đã nhận hỗ trợ “Mái ấm công đoàn” của LĐLĐ TP Hà Nội, người vay chỉ cần cung cấp bản photo Thông báo (hoặc Quyết định) về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa “Mái ấm công đoàn” thay cho các văn bản được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2.4. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ vay vốn đối với sản phẩm vay hỗ trợ chữa bệnh quy định tại điểm b, mục 2.1, khoản 2, Điều 5 cần bổ sung như sau:

(i) Giấy tờ chứng minh người vay đang chữa bệnh, gồm: bệnh án/ hồ sơ khám bệnh/ giấy tờ liên quan đến việc chữa bệnh (bản photo công chứng hoặc photo kèm bản gốc để đối chiếu) hoặc giấy xác nhận người vay đang chữa bệnh của CĐCS và lãnh đạo, thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp.

(ii) Đối với các trường hợp quy định tại phụ lục IV danh mục các bệnh hiểm nghèo kèm theo Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: cần bổ sung cam kết trả nợ có xác nhận của vợ/chồng/đại diện gia đình người vay và đại diện lãnh đạo đơn vị, Ban Chấp hành CĐCS (Mẫu 12/FEI).

Đối với những trường hợp quy định tại điểm (i), (ii), mục 2.4, khoản 2 điều này, cán bộ tín dụng căn cứ hồ sơ đề nghị vay vốn để xem xét, quyết định và đề xuất việc chấp thuận/ không chấp thuận cho vay.

Điều 20. Giám sát các khoản vay

1. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn hàng tháng phải lập danh sách người vay vốn và nguồn vốn phải thu hồi theo từng chương trình, dự án tài chính vi mô; phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn cộng tác viên CĐTTTCS và đại diện Ban chấp hành CĐCS để thu hồi vốn vay (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB của người vay vốn

và nộp về Quỹ trợ vốn đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng vay vốn, hợp đồng trách nhiệm đã ký. Chịu trách nhiệm trong phạm vi địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách đề đảm bảo nguồn vốn thu hồi trong tháng (gốc vay, lãi vay, TKBB) phải được thu hồi kịp thời, đầy đủ, an toàn tuyệt đối, không để thất thoát hoặc chiếm dụng vốn.

2. Cán bộ tín dụng phụ trách, quản lý địa bàn hàng tháng chủ trì, cùng với CĐCTTCS, CDCS và người vay vốn để kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay bảo đảm cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích,... (Mẫu số 10/FEI).

3. CĐCTTCS và CDCS căn cứ hợp đồng trách nhiệm đã ký, phân công cán bộ theo dõi, đôn đốc việc thu hồi nguồn vốn vay (gốc vay, lãi vay) và tiền TKBB của người vay vốn đầy đủ, đúng hạn.

Điều 21. Hình thức bảo đảm tiền vay

1. Người vay vốn không phải thế chấp tài sản, cầm cố khi vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

2. Hình thức đảm bảo tiền vay từ Quỹ trợ vốn là bảo đảm bằng tín chấp cho đoàn viên CNVCLĐ thông qua Hợp đồng trách nhiệm (đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp) hoặc bảo lãnh thông qua Hợp đồng trách nhiệm và văn bản Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của lãnh đạo đơn vị, doanh nghiệp cho đoàn viên, CNLĐ thuộc khu vực ngoài nhà nước (đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp).

3. Được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của khách hàng, người vay vốn.

Điều 22. Tắt toán hợp đồng trước hạn

1. Trong trường hợp người vay chưa thực hiện đủ nửa (1/2) thời hạn (chu kỳ) vay vốn nhưng chuyển công tác, nghỉ việc,... cán bộ tín dụng theo dõi, phụ trách địa bàn nghiên cứu, tham mưu đề xuất tắt toán hợp đồng vay vốn trước hạn.

2. Thủ tục tắt toán hợp đồng vay vốn trước hạn như sau:

2.1. Đối với người vay vốn

(i) Đơn đề nghị tắt toán khoản vay có xác nhận của CDCS, lãnh đạo đơn vị, CĐCTTCS.

(ii) Hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của khoản vay với Quỹ trợ vốn (gốc vay, lãi vay).

2.2. Đối với Quỹ trợ vốn

(i) Bộ phận kế toán xác nhận người vay đã hoàn trả đủ vốn (gốc vay, lãi vay).

(ii) Cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn tham mưu văn bản xác nhận tắt toán hợp đồng vay vốn trình Giám đốc phê duyệt.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Quỹ trợ vốn

1. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trước Thường trực, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội trong việc ban hành và triển khai, thực hiện Quy chế này.

2. Bộ phận tín dụng và cán bộ tín dụng chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, triển khai, thực hiện Quy chế này đến cộng tác viên CBCTTCS, cán bộ CBCS được phân công phối hợp, đoàn viên, CNVCLĐ và khách hàng vay vốn. Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Quy chế này, đồng thời tổng hợp, tham mưu giải quyết những kiến nghị, đề xuất (nếu có) với Giám đốc Quỹ trợ vốn.

3. Bộ phận kế toán: chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về việc theo dõi, tính toán lượng tiền phục vụ công tác giải ngân. Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ được quy định theo Quy chế này, đồng thời tổng hợp, tham mưu giải quyết những kiến nghị, đề xuất (nếu có) với Giám đốc Quỹ trợ vốn.

4. Bộ phận Tổ chức hành chính: Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện và các điều kiện khác phục vụ công tác ký kết Hợp đồng vay vốn, Hợp đồng trách nhiệm, công tác thẩm định, kiểm tra hoặc công tác giải ngân (nếu có) bảo đảm chủ động, khoa học, an toàn, hiệu quả cao.

5. CBVC, NLĐ có trách nhiệm triển khai, chấp hành tốt Quy chế này, kịp thời báo cáo Ban Giám đốc những những kiến nghị, đề xuất và bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện quy chế (nếu có).

6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, cán bộ, viên chức, người lao động Quỹ trợ vốn vi phạm quy chế này hoặc các quy chế nội bộ khác hoặc để xảy ra sai sót, gây thiệt hại đến đơn vị (nếu có) sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi hoàn kinh phí liên quan đến thiệt hại gây ra, đồng thời bị hạ mức đánh giá thi đua, phân loại cán bộ, viên chức, người lao động (hàng tháng hoặc cả năm) hoặc bị xem xét kỷ luật theo quy định hiện hành của pháp luật, Luật Viên chức, Luật lao động,... và quy định, quy chế nội bộ của Quỹ trợ vốn.

Điều 24. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở và cộng tác viên

1. Phối hợp có hiệu quả với Quỹ trợ vốn trong việc tuyên truyền, triển khai các sản phẩm hoạt động của Quỹ trợ vốn đến đoàn viên, CNVCLĐ thuộc địa bàn phân cấp quản lý và tạo điều kiện thuận lợi theo quy định tại Quy chế này để đoàn viên, CNVCLĐ được tiếp cận và vay vốn từ Quỹ trợ vốn.

2. Phối hợp tốt với Quỹ trợ vốn trong việc triển khai, thực hiện Quy chế này, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện về Quỹ trợ vốn (qua Cán bộ tin dụng phụ trách địa bàn) để được hướng dẫn, giải quyết.

Điều 25. Người vay vốn

Có trách nhiệm chấp hành nghiêm Quy chế này, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc (nếu có) về Quỹ trợ vốn (qua Cán bộ tin dụng phụ trách địa bàn) hoặc CĐCTTCS, CĐCS nơi công tác để được hướng dẫn, giải quyết.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế vay vốn từ Quỹ trợ vốn CNVCLĐ nghèo Thủ đô phát triển kinh tế gia đình ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-QTV ngày 25/6/2024 của Giám đốc Quỹ trợ vốn. Những quy định khác của Quỹ trợ vốn (nếu có) trái với nội dung được quy định tại quy chế này sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày quy chế này được ban hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, cán bộ tin dụng quản lý, phụ trách địa bàn, Bộ phận Kế toán, Tổ chức hành chính Quỹ trợ vốn kịp thời phát hiện những nội dung chưa phù hợp (nếu có) để đề xuất Ban Giám đốc xem xét sửa đổi, bổ sung. *gt*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Cường